

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH CÀ MAU CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 06/2020/HNGĐ-ST

Ngày: 21 - 5 - 2020

V/v xin ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH CÀ MAU

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hiền

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Trần Minh Thuận

Bà Nguyễn Thu Anh

- Thư ký phiên tòa: Ông Hồ Dũng Liêm là Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Cà Mau.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Cà Mau tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thúy Hồng – Kiểm sát viên.

Ngày 21 tháng 5 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Cà Mau xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 20/2019/TLST-HNGĐ ngày 27 tháng 5 năm 2019 về việc “xin ly hôn”.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử sơ thẩm số: 11/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 06 tháng 5 năm 2020 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà Nguyễn Thị S, sinh năm 1982 (có mặt).

Địa chỉ: Ấp Đ, xã K, huyện T, tỉnh Cà Mau.

- *Bị đơn:* Ông Phạm Duy T, sinh năm 1957 (xin vắng mặt).

Địa chỉ: 2 R D P 94 – 140 A, Pháp.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Nguyên đơn bà Nguyễn Thị S trình bày:

Về hôn nhân: Bà và ông Phạm Duy T kết hôn vào năm 2015, có lập thủ tục đăng ký kết hôn tại Sở Tư pháp tỉnh Cà Mau số 27, quyền số 01/2015 mở ngày 05/01/2015. Sau khi kết hôn vợ chồng sống chung tại địa chỉ: 2 R D P 94 – 140 A, Pháp. Quá trình sống chung luôn phát sinh mâu thuẫn, bất đồng quan điểm, thường xuyên cự cãi dẫn đến sống trong trạng thái căng thẳng. Do đó, bà S về Việt Nam từ năm 2017 và ly thân đến nay. Nhận thấy không thể hàn gắn quan hệ hôn nhân nên bà xin ly hôn ông Phạm Duy T.

Về con chung, tài sản chung và nợ chung: Không có, nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại “Giấy cam kết đồng ý ly hôn” đề ngày 22/10/2019, người cam kết có ký và viết tên Phạm Duy T, thể hiện nội dung:

Về hôn nhân: Ông và bà S quen biết và kết hôn vào ngày 05/01/2015 có đăng ký kết hôn tại Sở Tư pháp tỉnh Cà Mau. Quá trình chung sống xảy ra mâu thuẫn nên bà S về Việt Nam sinh sống từ năm 2017 cho đến nay hai bên không gặp nhau. Nhận thấy mục đích hôn nhân không đạt được, ông đồng ý ly hôn theo yêu cầu của bà S.

Về con chung, tài sản chung và nợ chung: Không có, nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Do điều kiện khó khăn, công việc bận rộn ở Pháp nên ông không thể có mặt theo giấy triệu tập của Tòa án, ông xin không tiến hành hòa giải và xin vắng mặt phiên xét xử.

Tại phiên tòa:

Bà S giữ nguyên yêu cầu khởi kiện xin ly hôn với ông Phạm Duy T, không có yêu cầu nào khác đặt ra.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Cà Mau tham gia phiên tòa phát biểu:

Về tố tụng: Thẩm phán và Hội đồng xét xử thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung: đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị S ly hôn với ông Phạm Duy T.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng: Yêu cầu khởi kiện của bà S đối với ông Phạm Duy T, được xác định là tranh chấp về việc xin ly hôn theo quy định tại khoản 1 Điều 28 và điểm a khoản 1 Điều 37 Bộ luật tố tụng dân sự. Ông Phạm Duy T có Quốc tịch Pháp và đang sinh sống tại Pháp, do đó thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân tỉnh Cà Mau.

Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án có nhận được “*Giấy cam kết đồng ý ly hôn*” đề ngày 22/10/2019, người cam kết có ký và viết tên Phạm Duy T có nội dung yêu cầu không tiến hành hòa giải và xin vắng mặt phiên xét xử. Do văn bản không có chứng thực của Lãnh sự quán Việt Nam tại Pháp cho nên Tòa án có Quyết định trưng cầu giám định chữ ký và chữ viết. Mẫu cần giám định được lưu giữ tại Sở Tư pháp tỉnh Cà Mau là “*Tờ khai đăng ký kết hôn*” có ký tên Phạm Duy T, mẫu so sánh là “*Giấy cam kết đồng ý ly hôn*” ngày 22/10/2019.

Kết luận giám định số: 67/GĐ-PC09 ngày 04/5/2020 của Phòng Kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Cà Mau xác kết luận: Chữ viết “Phạm Duy T” trên tờ khai đăng ký kết hôn với chữ viết trên “*Giấy cam kết đồng ý ly hôn*” là do cùng một người viết ra.

Do đó, căn cứ Điều 207, Điều 227, Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự Tòa án không tiến hành hòa giải và xét xử vắng mặt đối với ông Phạm Duy T.

[2] Về nội dung:

Xét đơn khởi kiện của bà Nguyễn Thị S yêu cầu ly hôn ông Phạm Duy T cũng như lời trình bày của ông Phạm Duy T thể hiện: Hai đương sự kết hôn tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại Sở Tư pháp tỉnh Cà Mau, số 27, quyển số 01/2015 mở ngày 05/01/2015. Vì vậy, quan hệ hôn nhân giữa bà Nguyễn Thị S và ông Phạm Duy T được pháp luật Việt Nam công nhận là vợ chồng. Lý do bà S xin ly hôn là vì trong thời kỳ hôn nhân xảy ra mâu thuẫn do bất đồng quan điểm, không hòa hợp với nhau nên bà về Việt Nam năm 2017 và vợ chồng ly thân đến nay. Về phía ông Phạm Duy T xác nhận tình cảm vợ chồng không còn, không thể hàn gắn, ông đồng ý ly hôn với bà S. Hội đồng xét xử nhận thấy qua lời trình bày của hai đương sự đều xác nhận mục đích hôn nhân không đạt được, nếu duy trì cũng không mang lại hạnh phúc. Căn cứ Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình, chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của bà Nguyễn Thị S, cho bà S được ly hôn đối với ông Phạm Duy T.

Về con chung, tài sản chung và nợ chung: Bà S và ông Phạm Duy T xác định không có và không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[3] Đề nghị của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Cà Mau tại phiên tòa là có căn cứ, được chấp nhận.

[4] Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Bà S phải chịu 300.000 đồng, đã dự nộp tạm ứng án phí được chuyển thu.

Chi phí giám định chữ ký và chữ viết tổng số tiền 4.880.000 đồng, bà S tự nguyện nộp, bà S đã nộp đủ.

[5] Các đương sự có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 37; Điều 207 và khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự;

Áp dụng các Điều 51, 56 và Điều 127 Luật hôn nhân và gia đình; Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị S, cho bà S được ly hôn với ông Phạm Duy T.

2. Về con chung, tài sản chung và nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

3. Về án phí và chi phí tố tụng:

- Án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Bà Nguyễn Thị S phải chịu 300.000 đồng, ngày 27/5/2019 bà S đã dự nộp 300.000 đồng theo biên lai thu số 00313 tại Cục Thi hành án dân sự tỉnh Cà Mau, nay được chuyển thu án phí.

- Chi phí giám định chữ ký và chữ viết tổng số tiền 4.880.000 đồng, bà S tự nguyện nộp, bà S đã nộp đủ.

4. Về quyền kháng cáo: Án xử sơ thẩm công khai, bà S có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Ông Phạm Duy T có quyền kháng cáo bản án trong hạn 01 tháng kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết hợp lệ theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:

- Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Cà Mau;
- Cục Thi hành án dân sự tỉnh Cà Mau;
- Sở Tư pháp tỉnh Cà Mau;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ;
- Lưu án văn;
- Lưu VT (TM:TANDTCM).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đã ký

Nguyễn Thị Hiền